

Số: 16/KL-TTr

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 10 năm 2025

## KẾT LUẬN THANH TRA

### Thanh tra toàn diện Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai

Thực hiện Quyết định số 30/QĐ-TTr ngày 27/02/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh Tuyên Quang về Thanh tra toàn diện Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai và bổ sung thành viên, thay đổi thành viên Đoàn thanh tra, gia hạn thời hạn thanh tra tại các quyết định: số 58/QĐ-TTr ngày 03/4/2025, số 62/QĐ-TTr ngày 16/4/2025, số 72/QĐ-TTr ngày 08/5/2025, số 96/QĐ-TTr ngày 05/6/2025. Đoàn thanh tra theo Quyết định số 30 đã công bố quyết định thanh tra và tiến hành thanh tra tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang (Chủ đầu tư dự án).

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 17/9/2025 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra tỉnh Kết luận thanh tra như sau:

## A. KHÁI QUÁT CHUNG

### I. Sự cần thiết đầu tư xây dựng dự án

Việc đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc từ Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai là rất cần thiết, đây là tuyến đường cao tốc có ý nghĩa chiến lược quan trọng tháo gỡ "điểm nghẽn" về hạ tầng giao thông, tạo động lực tăng trưởng cho khu vực Trung du và miền núi phía Bắc nói chung và của tỉnh, phù hợp với Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quyết định số 2426/QĐ-TTg ngày 28/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung đến năm 2025 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2015-2020), lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020-2025) đã đề ra.

Sau khi được đầu tư xây dựng, tuyến đường mở ra không gian phát triển mới, giúp mở rộng liên kết vùng, giảm tải cho Quốc lộ 2 (QL.2), tạo liên kết nhanh về giao thông của khu vực (các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ) với Thủ đô Hà Nội và khu vực kinh tế trọng điểm đồng bằng Bắc Bộ; giúp tỉnh Tuyên Quang thu hút đầu tư, khai thác các tiềm năng thế mạnh về du lịch,

dịch vụ, phát triển đô thị, thương mại...; là điều kiện thuận lợi góp phần sớm hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối để phát huy, khai thác hiệu quả hành lang kinh tế Hà Giang - Tuyên Quang - Phú Thọ - Hà Nội, kết nối tiểu vùng trung tâm với Thủ đô Hà Nội, các cảng cửa ngõ, vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Tây Nam Trung Quốc theo quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

## **II. Khái quát về dự án**

### **1. Về chủ trương đầu tư**

#### ***1.1. Quá trình triển khai thực hiện theo hình thức PPP, loại hợp đồng BOT***

Căn cứ quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Tuyên Quang đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai theo hình thức BOT. Sau khi được các bộ, ngành thẩm định, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1768/QĐ-TTg ngày 06/12/2019; Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 28/7/2020. Quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức nêu trên, do không có nhà đầu tư nộp hồ sơ dự sơ tuyển, do đó UBND tỉnh Tuyên Quang đã hủy thầu tại Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 08/10/2020.

#### ***1.2. Quá trình thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án đầu tư sang hình thức đầu tư công***

##### ***1.2.1. Lý do đề xuất thực hiện dự án theo hình thức đầu tư công***

- Do không lựa chọn được nhà đầu tư (UBND tỉnh Tuyên Quang đã hủy thầu).

- Về năng lực nhà đầu tư: Các nhà đầu tư vượt qua sơ tuyển tuy có năng lực thi công tốt, đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu nhưng tiềm lực về tài chính không phải là thế mạnh, trong khi vốn tín dụng chiếm tỷ lệ rất lớn trong tổng mức đầu tư nên sẽ rất khó khăn để huy động được vốn tín dụng.

- Từ khó khăn trong việc tìm nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đầu tư PPP (loại hợp đồng BOT), UBND tỉnh Tuyên Quang đã trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị chuyển đổi hình thức đầu tư trên cơ sở chủ trương của Bộ Chính trị "*Nhất trí nguyên tắc xem xét điều chỉnh chuyển sang hình thức đầu tư công, đề nghị tỉnh sớm báo cáo, đề xuất gửi Chính phủ*" tại Thông báo số 164-TB/VPTW ngày 03/9/2020 của Văn phòng Trung ương Đảng.

**(1) Điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án lần 1 (chuyển từ hình thức đầu tư PPP sang hình thức đầu tư công):**

- Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 2275/QĐ-TTg ngày 31/12/2020, với nội dung điều chỉnh chủ yếu là: Đổi

tên dự án là Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; hình thức đầu tư công; phân kỳ đầu tư thành 02 giai đoạn; tổng mức đầu tư 3.112,970 tỷ đồng (giai đoạn 1: 2.653 tỷ đồng, vốn ngân sách trung ương 2.100 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 553 tỷ đồng; giai đoạn 2: 459,970 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác); tiến độ thực hiện giai đoạn 1: 2020-2023, giai đoạn 2 sau năm 2025 và tiếp tục giao cho UBND tỉnh Tuyên Quang là cơ quan chủ trì quản lý dự án và cấp quyết định phê duyệt dự án.

- Căn cứ quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Tuyên Quang đã phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh tại Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 25/01/2021, với tổng mức đầu tư 3.112,97 tỷ đồng, trong đó: Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là 2.653 tỷ đồng (chi phí xây dựng 1.852 tỷ đồng; chi phí khác 131 tỷ đồng; chi phí GPMB 550 tỷ đồng; chi phí dự phòng 120 tỷ đồng); nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách trung ương 2.100 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 553 tỷ đồng.

(2) Điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án lần 2: Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án.

Do chi phí thực hiện dự án vượt tổng mức đầu tư được duyệt 600 tỷ đồng, chủ yếu là vượt chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng tăng 410,977 tỷ đồng; chi phí xây dựng và chi phí khác tăng 189,023 tỷ đồng và do từ thời điểm lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (lập điều chỉnh tháng 01 năm 2021) đến khi phê duyệt thiết kế kỹ thuật (tháng 7/2021) có nhiều biến động về giá vật tư, vật liệu, nhiên liệu... Đồng thời theo quy định tại khoản 5 Điều 43 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án. Theo đó, UBND tỉnh Tuyên Quang đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, sau khi được thẩm định. Dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 06/4/2022, trong đó điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án lên thành 3.712,97 tỷ đồng, Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 28/4/2022, với tổng mức đầu tư 3.712,97 tỷ đồng, trong đó: Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là 3.253 tỷ đồng (chi phí xây dựng 1.905,313 tỷ đồng; chi phí khác 136,228 tỷ đồng; chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng 960,982 tỷ đồng; chi phí dự phòng 250,477 tỷ đồng. Vốn ngân sách trung ương 2.100 tỷ đồng; vốn ngân sách địa phương 1.153 tỷ đồng).

(3) Điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án lần 3: Gộp giai đoạn 1 và giai đoạn 2 để đầu tư hoàn thành toàn bộ dự án trong năm 2023.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 30/TB-VPCP ngày 15/02/2023, UBND tỉnh Tuyên Quang đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 29/5/2023, trong đó gộp giai

đoạn 1 và giai đoạn 2 để đầu tư hoàn thành toàn bộ dự án trong năm 2023 (thời gian thực hiện dự án là năm 2021-2023); điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án lên 3.753 tỷ đồng (tăng 40,03 tỷ đồng so với điều chỉnh lần 2) trong đó, nguồn vốn ngân sách Trung ương: 2.900 tỷ đồng (gồm: giai đoạn 2016-2020 là 500 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2025 là 2.400 tỷ đồng), vốn ngân sách địa phương: 853 tỷ đồng; Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 19/7/2023.

(4) Điều chỉnh dự án lần 4 (điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng): Đã được Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 (thời gian thực hiện dự án là năm 2021-2024).

(5) Điều chỉnh dự án lần 5 (điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng): Đã được Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt tại Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 (thời gian thực hiện dự án là năm 2021-2025).

### 1.2.2. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển

Việc đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai qua địa phận tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Phú Thọ phù hợp các quy hoạch, kế hoạch phát triển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

**2. Địa điểm xây dựng dự án:** Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; huyện Đoan Hùng, huyện Thanh Ba, huyện Phù Ninh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Điểm đầu: Km0+00 (tại Km127+500 của QL.2) thuộc xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Điểm cuối: Km40+200 kết nối với nút giao IC9 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc địa giới thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Chiều dài tuyến: 40,2km, trong đó: địa phận tỉnh. Tuyên Quang là 11,3km; địa phận tỉnh Phú Thọ là 28,9km.

### 3. Quy mô đầu tư

- Giải phóng mặt bằng với quy mô hoàn chỉnh  $B_{\text{hình}} = 17\text{m}$ .

- Quy mô mặt cắt ngang giai đoạn I: Chiều rộng nền đường  $B_{\text{nền}} = 17\text{m}$ , chiều rộng mặt đường  $B_{\text{mặt}} = 11\text{m}$  (gồm 02 làn xe cơ giới  $2 \times 3,5\text{m} = 7\text{m}$ ; 02 làn xe hỗn hợp  $2 \times 2,0\text{m} = 4\text{m}$ ), lề đường  $2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$ , phần đất giữa 2 làn xe cơ giới  $5,0\text{m}$  (để xây dựng hoàn chỉnh mặt đường và giải phân cách giữa trong giai đoạn II).

- Quy mô mặt cắt ngang giai đoạn II: Chiều rộng nền đường  $B_{\text{nền}} = 17\text{m}$ ;  $B_{\text{mặt}} = 14\text{m}$  (4 làn xe cơ giới:  $4 \times 3,5\text{m} = 14\text{m}$ ; dải an toàn  $2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$ ; dải phân cách giữa  $0,5\text{m}$ ; dải an toàn ngoài  $2 \times 0,25\text{m} = 0,5\text{m}$ ; lề trồng cỏ  $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$ ).

- Kết cấu mặt đường: Đầu tư hoàn chỉnh theo thiết kế được duyệt.

- Cầu, công thoát nước, hầm giao thông dân sinh, nút giao, an toàn giao thông đầu tư hoàn chỉnh theo quy mô được duyệt.

+ Đường gom: Đầu tư toàn bộ đường gom theo thiết kế được duyệt.

**4. Diện tích sử dụng đất:** 237,2ha, trong đó đoạn qua địa phận tỉnh Tuyên Quang: 75,89ha; đoạn qua địa phận tỉnh Phú Thọ: 161,31ha.

**5. Tổng mức đầu tư dự án:** 3.753 tỷ đồng, trong đó:

- Chi phí GPMB: 960.982 triệu đồng;
- Chi phí xây dựng, thiết bị: 2.240.921 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 19.978 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 73.127 triệu đồng;
- Chi phí khác: 70.150 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng: 387.842 triệu đồng.

**6. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 2.900 tỷ đồng (giai đoạn 2016-2020 là 500 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2025 là 2.400 tỷ đồng, trong đó nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 là 800 tỷ đồng).

- Vốn ngân sách địa phương: 853 tỷ đồng.

**7. Cơ chế đặc thù cho dự án:** Dự án được thực hiện cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ.

**8. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2021-2025 (*Quyết định 133/QĐ-UBND ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang*).

- Ngày khởi công: 10/8/2021.

- Ngày hoàn thành: 24/12/2023 (hoàn thành đưa vào khai thác tạm).

**9. Hình thức quản lý dự án:** Dự án được giao Ban quản lý dự án chuyên ngành thực hiện.

### III. Phân chia các gói thầu triển khai thực hiện dự án

ĐVT: triệu đồng

| STT | Tên gói thầu                                                                               | Giá dự toán gói thầu | Giá trúng thầu |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------|
| 1   | Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, cắm cọc GPMB, mốc lộ giới | 15.470,245           | 15.038,538     |
| 2   | Gói thầu số 02: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường                  | 1.622,208            | 1.506,549      |
| 3   | Gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát, lập khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư      | 489,553              | 489,553        |

ĐVT: triệu đồng

| STT | Tên gói thầu                                                                                                                  | Giá dự toán gói thầu | Giá trúng thầu |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------|
| 4   | Gói thầu số 04: Tư vấn thẩm tra bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi                                                           | 486,149              | 486,149        |
| 5   | Gói thầu số 05: Tư vấn lập thiết kế kỹ thuật, dự toán đo đạc lập bản đồ thu hồi đất                                           | 8,598                | 8,598          |
| 6   | Gói thầu số 06: Tư vấn đo đạc lập bản đồ thu hồi đất (địa phận tỉnh Tuyên Quang)                                              | 384,443              | 384,443        |
| 7   | Gói thầu số 07: Tư vấn kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm đo đạc bản đồ thu hồi đất                                                | 13,790               | 13,790         |
| 8   | Gói thầu số 08: Tư vấn xây dựng lưới địa chính, trích đo địa chính, lập hồ sơ thu hồi đất và giao đất (địa phận tỉnh Phú Thọ) | 950,842              | 940,542        |
| 9   | Gói thầu số 09: Tư vấn xây khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán                               | 24.344,855           | 23.509,170     |
| 10  | Gói thầu số 10: Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công                                                 | 2.196,000            | 2.189,082      |
| 11  | Gói thầu số 11: Tư vấn thẩm tra an toàn giao thông                                                                            | 334,077              | 326,818        |
| 12  | Gói thầu số 12: Tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công và dự toán rà phá bom mìn, vật nổ                            | 300,000              | 300,000        |
| 13  | Gói thầu số 13: Tư vấn giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ                                                               | 326,931              | 315,000        |
| 14  | Gói thầu số 14: Thi công rà phá bom mìn, vật nổ                                                                               | 10.734,000           | 10.604,728     |
| 15  | Gói thầu số 15: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp                                                                             | 218,000              | 210,000        |
| 16  | Gói thầu số 16: Tư vấn giám sát thi công đoạn tuyến từ Km0+00 - Km40+200                                                      | 22.885,093           | 22.866,866     |
| 17  | Gói thầu số 17: Tư vấn giám sát thi công xây dựng Nút giao IC9                                                                | 458,356              | 444,000        |
| 18  | Gói thầu số 18: Tư vấn quan trắc và giám sát môi trường                                                                       | 1.441,017            | 1.423,340      |
| 19  | Gói thầu số 19: Tư vấn kiểm định công trình                                                                                   | 1.442,994            | 1.441,712      |
| 20  | Gói thầu số 20: Kiểm toán dự án hoàn thành                                                                                    | 3.256,744            | 3.095,169      |
| 21  | Gói thầu số 21: Đảm bảo an toàn giao thông đường thủy                                                                         | 3.166,664            | 3.121,837      |
| 22  | Gói thầu số 22: Bảo hiểm công trình                                                                                           | 8.669,681            | 6.227,100      |
| 23  | Gói thầu số 23: Thi công hệ thống điện chiếu sáng                                                                             | 47.413,598           | 47.377,840     |
| 24  | Gói thầu số 24: Thi công xây dựng nút giao IC9                                                                                | 15.941,815           | 15.863,860     |
| 25  | Gói thầu số 25: Thi công xây dựng cầu trên tuyến                                                                              | 292.867,509          | 290.718,838    |
| 26  | Gói thầu số 26: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km0+00 - Km11+300                                                             | 488.394,007          | 487.061,006    |
| 27  | Gói thầu số 27: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km11+300 - Km20+00                                                            | 287.806,652          | 287.213,951    |
| 28  | Gói thầu số 28: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km20+00 - Km31+00                                                             | 399.495,908          | 398.290,150    |
| 29  | Gói thầu số 29: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km31+00 - Km40+200                                                            | 306.172,179          | 303.065,264    |

ĐVT: triệu đồng

| STT | Tên gói thầu                                                                                                                 | Giá dự toán gói thầu | Giá trúng thầu       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| 30  | Gói thầu số 30: Thi công xây dựng hệ thống an toàn giao thông đoạn tuyến từ Km0+00 - Km40+200                                | 198.975,714          | 198.568,807          |
| 31  | Gói thầu số 26-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km0+00 - Km11+300                                                        | 90.600,349           | 90.497,413           |
| 32  | Gói thầu số 27-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km11+300 - Km20+00                                                       | 62.043,970           | 62.040,232           |
| 33  | Gói thầu số 28-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km20+00 - Km31+00                                                        | 86.754,833           | 86.507,357           |
| 34  | Gói thầu số 29-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km31+00 - Km40+200                                                       | 71.526,641           | 69.563,784           |
| 35  | Gói thầu số 31: Tư vấn điều tra, lập hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; xác định diện tích, chi phí trồng rừng thay thế | 397,439              | 377,567              |
| 36  | Gói thầu số 32: Biên tập, lập mảnh trích đo bản đồ địa chính để giao đất xây dựng                                            | 357,294              | 357,294              |
|     | <b>Cộng</b>                                                                                                                  | <b>2.447.948,148</b> | <b>2.432.446,347</b> |

## B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

### I. Kết quả thanh tra công tác đấu thầu

Thanh tra tỉnh tiến hành kiểm tra hồ sơ công tác đấu thầu của 11/12 gói thầu thi công xây dựng (01 gói<sup>1</sup> không kiểm tra) và 03 gói thầu tư vấn của dự án. Qua thanh tra cho thấy Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang đã thực hiện trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu nêu trên cơ bản theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Tuy nhiên qua thanh tra đã chỉ ra còn một số khuyết điểm như sau:

#### 1. Các gói thầu thi công xây dựng

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu (HSMT) tại bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm đưa ra điều kiện yêu cầu nhà thầu phải có số dư tiền gửi tại ngân hàng, chưa phù hợp với quy định của: mẫu số 04 HSMT Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư<sup>2</sup>; mẫu số 02 HSMT Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư<sup>3</sup>; mẫu số 1B

<sup>1</sup> Gói thầu số 26 Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km0+00 - Km11+300 Thanh tra tỉnh không kiểm tra do Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã có kết luận tại Thông báo số 792-TB/UBKTTW ngày 09/10/2024).

<sup>2</sup> Gói thầu số 23: Thi công hệ thống điện chiếu sáng.

<sup>3</sup> Gói thầu số 25: Thi công xây dựng cầu trên tuyến; Gói thầu số 27: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km11+300 - Km20+00; Gói thầu số 28: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km20+00 - Km31+00; Gói thầu số 29: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km31+00 - Km40+200.

HSMT Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư<sup>4</sup>, không có căn cứ và không được báo cáo làm rõ trong quá trình lập và thẩm định HSMT.

- Mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được tiến hành công khai, tuy nhiên việc mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật của 03 gói thầu<sup>5</sup> không thực hiện ngay trong vòng 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 26 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

- Gói thầu số 30, khối lượng mời thầu thiếu 313,9m dải phân cách mềm di động tại vị trí nút giao Km0+00 và nút giao Km40+200 so với bản vẽ thiết kế thi công được duyệt.

- Về đánh E-HSĐT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tại gói thầu số 24 đánh giá tính hợp lý hợp lệ bảo lãnh dự thầu của nhà thầu trúng thầu chưa phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu được duyệt và các quy định tại điểm d khoản 2 Điều 18 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 5, khoản 3, 4 Điều 15 Thông tư số 04/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

## 2. Các gói thầu tư vấn

Thanh tra tỉnh kiểm tra xác suất 03 gói thầu<sup>6</sup> qua kiểm tra Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn, tổ chức có liên quan thực hiện cơ bản tuân thủ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên gói thầu số 02 công tác lựa chọn nhà thầu, quá trình tổ chức thực hiện, Tổ chuyên gia đấu thầu không yêu cầu nhà thầu bổ sung tài liệu minh chứng tư cách hợp lệ, năng lực của nhà thầu để đảm bảo việc đánh giá được thực hiện một cách chính xác, minh bạch theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; Gói thầu số 08 công tác kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm lưới địa chính chưa được chặt chẽ, có một số biên bản bàn giao mốc địa chính không có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về đất đai và chính quyền địa phương nơi đặt mốc; công tác kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo vẽ trích đo địa chính, lập bản đồ thu hồi đất một số thành phần hồ sơ sản phẩm chưa đầy đủ, công tác biên tập và in các bản đồ trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 chưa đảm bảo yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh Phú Thọ, về tiến độ thực hiện gói thầu số 08 được điều chỉnh đến ngày 31/12/2024,

<sup>4</sup> Gói thầu số 30: Thi công xây dựng hệ thống an toàn giao thông đoạn tuyến từ Km0+00 - Km40+200.

<sup>5</sup> Gói thầu số 27: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km11+300 - Km20+00 (đóng thầu 08 giờ 00 phút ngày 06/7/2025; mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật 10 giờ 05 phút, ngày 06/07/2021); Gói thầu số 28: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km20+00 - Km31+00 (đóng thầu 09 giờ 00 phút ngày 06/7/2025, mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật 10 giờ 17 phút, ngày 06/07/2021); Gói thầu số 29: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km31+00 - Km40+200 (đóng thầu thời gian 9 giờ 00 phút, ngày 06/07/2021; mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật 10 giờ 40 phút, ngày 06/7/2021).

<sup>6</sup> Gói thầu số 02: Tư vấn khảo sát, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Gói thầu số 08: Tư vấn xây dựng lưới địa chính, trích đo địa chính, lập hồ sơ thu hồi đất và giao đất (địa phận tỉnh Phú Thọ); Gói thầu số 18: Tư vấn quan trắc và giám sát môi trường.

nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành việc giao nộp sản phẩm; Gói thầu số 18 việc dự toán tính toán thêm chi phí bảo quản mẫu (2.400.000 đồng) là chưa phù hợp với quy định tại Thông tư 20/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (chi phí bảo quản mẫu đã được tính toán, tích hợp vào định mức chi phí quan trắc môi trường).

## II. Kết quả thanh tra việc tổ chức thực hiện các gói thầu

Do giới hạn về thời gian và nhân lực, khối lượng công việc lớn, Thanh tra tỉnh chỉ tiến hành kiểm tra trọng tâm, trọng điểm và xác minh thực tế tại hiện trường 12 gói thầu thi công xây dựng<sup>7</sup> và 01 gói thầu thi công rà phá bom mìn, kết quả cụ thể như sau:

### 1. Công tác lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán đối với các gói thầu thi công xây dựng

- Căn cứ Báo cáo nghiên cứu khả thi Giai đoạn I được UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt điều chỉnh tại các Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 25/01/2021; số 757/QĐ-UBND ngày 19/7/2023, Chủ đầu tư đã triển khai thực hiện các bước lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, qua kiểm tra 12 gói thầu xây dựng (từ gói thầu số 23 đến gói thầu số 30, riêng các gói thầu số 26, 27, 28, 29 cả Giai đoạn I và Giai đoạn II) quá trình thực hiện phải điều chỉnh nhiều lần, trong đó hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán điều chỉnh 19 lần, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh 98 lần, cụ thể:

| STT | Tên gói thầu                                                                            | Số lần phê duyệt điều chỉnh  |                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                                                                         | Thiết kế kỹ thuật và dự toán | Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán |
| *   | <b>Tổng cộng</b>                                                                        | <b>19</b>                    | <b>98</b>                           |
| 1   | Gói thầu số 23: Thi công hệ thống điện chiếu sáng                                       | 2                            | 4                                   |
| 2   | Gói thầu số 24: Thi công xây dựng nút giao IC9 (thiết kế 02 bước)                       | 0                            | 1                                   |
| 3   | Gói thầu số 25: Thi công xây dựng cầu trên tuyến                                        | 4                            | 18                                  |
| 4   | Gói thầu số 26 và gói thầu số 26-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km0+00 - Km11+300 | 3                            | 23                                  |

<sup>7</sup> (1) Gói thầu số 23: Thi công hệ thống điện chiếu sáng; (2) Gói thầu số 24: Thi công xây dựng nút giao IC9; (3) Gói thầu số 25: Thi công xây dựng cầu trên tuyến; (4) Gói thầu số 26: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km0+00 - Km11+300; (5) Gói thầu số 27-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km11+300 - Km20+00; (6) Gói thầu số 28: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km20+00 - Km31+00; (7) Gói thầu số 29: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km31+00 - Km40+200; (8) Gói thầu số 30: Thi công xây dựng hệ thống an toàn giao thông đoạn tuyến từ Km0+00 - Km40+200; (9) Gói thầu số 26-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km0+00 - Km11+300; (10) Gói thầu số 27-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km11+300 - Km20+00; (11) Gói thầu số 28-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km20+00 - Km31+00; (12) Gói thầu số 29-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km31+00 - Km40+200.

| STT | Tên gói thầu                                                                                  | Số lần phê duyệt điều chỉnh  |                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                                                                               | Thiết kế kỹ thuật và dự toán | Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán |
| 5   | Gói thầu số 27 và gói thầu số 27-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km11+300 - Km20+00      | 3                            | 19                                  |
| 6   | Gói thầu số 28 và gói thầu số 28-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km20+00 - Km31+00       | 4                            | 15                                  |
| 7   | Gói thầu số 29 và gói thầu số 29-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km31+00 - Km40+200      | 3                            | 13                                  |
| 8   | Gói thầu số 30: Thi công xây dựng hệ thống an toàn giao thông đoạn tuyến từ Km0+00 - Km40+200 | 0                            | 5                                   |

- Việc sử dụng đơn giá vật liệu, thi công do cấp có thẩm quyền phê duyệt riêng (đặc thù) cho Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai, cụ thể:

+ Các định mức xây dựng được áp dụng theo Thông tư của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng; áp dụng định mức dự toán đối với các công tác xây dựng đã quy định trong hệ thống định mức xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành phù hợp với thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công của công trình. Đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công áp dụng phù hợp với thời điểm phê duyệt.

+ Trong quá trình lập dự án, đơn vị tư vấn thực hiện điều tra, khảo sát các nguồn vật liệu xây dựng: Điều tra xác định vị trí các mỏ, trữ lượng, khả năng cung cấp, điều kiện khai thác, cự ly vận chuyển từ mỏ tới công trình, thu thập báo giá các loại vật liệu của mỏ, lấy mẫu thí nghiệm để đánh giá chất lượng các mỏ đất, đá, bãi tập kết cát theo quy định.

## 2. Công tác quản lý chi phí đầu tư, quản lý chất lượng, thi công xây dựng

Tại thời điểm thanh tra dự án chưa hoàn thành lập hồ sơ đề nghị quyết toán. Thanh tra tỉnh tập trung vào kiểm tra, rà soát tính toán khối lượng theo hồ sơ thiết kế và xác minh thực tế thi công công trình.

Quá trình triển khai thực hiện thi công xây dựng, nghiệm thu khối lượng thi công, Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, các nhà thầu tư vấn đã phát hiện và chủ động giảm trừ giá trị khối lượng của hợp đồng và giảm trừ khối lượng một số hạng mục công việc do không thi công với tổng số tiền: 37.674.032.000 đồng, cụ thể:

ĐVT: đồng

| STT | Tên gói thầu                                      | Số liệu Chủ đầu tư và nhà thầu giảm trừ |
|-----|---------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1   | Gói thầu số 14: Thi công rà phá bom mìn, vật nổ   | 801.832.000                             |
| 2   | Gói thầu số 23: Thi công hệ thống điện chiếu sáng | 247.256.000                             |

ĐVT: đồng

| STT              | Tên gói thầu                                                                                  | Số liệu Chủ đầu tư và nhà thầu giảm trừ |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 3                | Gói thầu số 24: Thi công xây dựng nút giao IC9                                                | -                                       |
| 4                | Gói thầu số 25: Thi công xây dựng cầu trên tuyến                                              | 4.541.988.000                           |
| 5                | Gói thầu số 26 và gói thầu số 26-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km0+00 - Km11+300       | 10.394.388.000                          |
| 6                | Gói thầu số 27 và gói thầu số 27-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km11+300 - Km20+00      | 5.871.269.000                           |
| 7                | Gói thầu số 28 và gói thầu số 28-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km20+00 - Km31+00       | -                                       |
| 8                | Gói thầu số 29 và gói thầu số 29-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km31+00 - Km40+200      | 11.467.695.000                          |
| 9                | Gói thầu số 30: Thi công xây dựng hệ thống an toàn giao thông đoạn tuyến từ Km0+00 - Km40+200 | 4.349.604.000                           |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                               | <b>37.674.032.000</b>                   |

Qua thanh tra, Thanh tra tỉnh phát hiện có nội dung công việc dự toán tính toán chưa chính xác so với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, có công việc Chủ đầu tư, Nhà thầu thi công xây dựng, Tư vấn giám sát nghiệm thu chưa đúng với thực tế thi công và tiếp tục giảm trừ giá trị khối lượng theo hợp đồng với tổng số tiền **15.120.289.000 đồng**, cụ thể như sau:

(1) Gói thầu số 24: Thi công xây dựng nút giao IC9, giá trị giảm trừ 38.803.000 đồng do thiết kế và dự toán tính sai khối lượng.

(2) Gói thầu số 25: Thi công xây dựng cầu trên tuyến, giá trị giảm trừ 59.679.000 đồng do thiết kế và dự toán tính sai khối lượng; quá trình thi công, một số hạng mục công việc các bên không tính toán, đối chiếu lại khối lượng so với thiết kế dẫn đến nghiệm thu khối lượng lớn hơn thực tế thi công.

(3) Gói thầu số 26 và gói thầu số 26-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km0+00 - Km11+300, giá trị giảm trừ 2.288.722.000 đồng, do thiết kế và dự toán tính sai khối lượng bê tông rãnh thoát nước; đá xây vữa xi măng hồ lửng; tấm đan rãnh; vận chuyển bê tông nhựa; đào, đắp, vận chuyển đá đổ đi.

(4) Gói thầu số 27 và gói thầu số 27-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km11+300 - Km20+00, giá trị giảm trừ 1.481.198.000 đồng, do thiết kế và dự toán tính sai khối lượng: phạm vi chiếm chỗ hầm chui dân sinh; đào đất cấp 2, cấp 3, cấp 4, đào đá cấp 4; quét nhựa đường nóng 2 lớp; khối lượng chiếm chỗ cống nhỏ; khối lượng đường gom; giải phân cách.

(5) Gói thầu số 28 và gói thầu số 28-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km20+00 - Km31+00, giá trị giảm trừ 4.922.759.000 đồng, do dự toán tính

thừa khối lượng đào đất nền đường, bê tông mặt đường nhựa, cấp phối đá dăm loại 1 và loại 2.

(6) Gói thầu số 29 và gói thầu số 29-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km31+00 - Km40+200, giá trị giảm trừ 5.931.553.000 đồng do:

- Sai số học trong việc lập dự toán hạng mục rãnh biên hình thang, cửa xả rãnh dọc;

- Thiết kế và dự toán tính sai khối lượng đào đất cấp 3 nền đường, đào đất vận chuyển về đắp và vận chuyển đất cấp 2; quét nhựa đường nóng 2 lớp, quá trình thi công các bên không đối chiếu lại khối lượng so với thiết kế dẫn đến nghiệm thu khối lượng lớn hơn thực tế thi công.

(7) Gói thầu số 30: Thi công xây dựng hệ thống an toàn giao thông đoạn tuyến từ Km0+00 - Km40+200, giá trị giảm trừ 397.575.000 đồng, do gói thầu thực hiện theo hình thức hợp đồng trọn gói. Do đó việc nghiệm, thu thanh toán phát sinh tăng khối lượng dải phân cách mềm di động ngoài hợp đồng là không đúng quy định.

\* Trách nhiệm thuộc về chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công xây dựng và tư vấn giám sát.

### **3. Việc chấp hành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước**

- Qua kiểm tra đối chiếu việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền thuế tài nguyên môi trường và tiền phí bảo vệ môi trường đối với một số nhà thầu tham gia thi công xây dự án. Thanh tra tỉnh đã phát hiện một số nhà thầu kê khai không đúng khối lượng thực tế đất, đá đã khai thác đào, đắp, đổ thải trong thi công xây dựng công trình dẫn đến kê khai thiếu khối lượng phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường. khối lượng kê khai thiếu tương ứng số tiền còn phải nộp theo quy định của pháp luật tổng số tiền **20.750.873.745** đồng, trong đó:

- + Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 8.414.449.274 đồng;

- + Tiền thuế tài nguyên 3.902.388.145 đồng;

- + Tiền phí bảo vệ môi trường 8.434.036.326 đồng.

- Việc không kê khai và kê khai không đầy đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền thuế tài nguyên, tiền phí bảo vệ môi trường của các nhà thầu nêu trên đã vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý khoáng sản, thuế tài nguyên môi trường và phí bảo vệ môi trường cụ thể:

- + Tiền cấp quyền quy định điểm a khoản 2 Điều 55, khoản 3 Điều 64, khoản 2 Điều 77 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

+ Tiền thuế tài nguyên quy định tại khoản 2 Điều 2, khoản 3 Điều 3 và khoản 2 Điều 9 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

+ Tiền phí bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật số: 97/2015/QH13 Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015 và khoản 2 Điều 1 và Điều 2 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Chi tiết số tiền vi phạm tại các gói thầu cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

| STT        | Tên gói thầu và nhà thầu thực hiện                                                              | Số liệu chưa khai                   |                      |                            | Tổng số tiền chưa kê khai nộp |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------|-------------------------------|
|            |                                                                                                 | Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | Tiền thuế tài nguyên | Tiền phí bảo vệ môi trường |                               |
| <b>I</b>   | <b>Gói thầu số 24: Thi công xây dựng nút giao IC9</b>                                           | <b>167.267.340</b>                  | <b>315.634.767</b>   | <b>196.329.110</b>         | <b>679.231.217</b>            |
| 1          | Công ty TNHH xây dựng Tự Lập                                                                    | 167.267.340                         | 315.634.767          | 196.329.110                | 679.231.217                   |
| <b>II</b>  | <b>Gói thầu số 25: Thi công xây dựng cầu trên tuyến</b>                                         | <b>36.954.934</b>                   | <b>88.466.378</b>    | <b>50.552.216</b>          | <b>175.973.528</b>            |
| 1          | Công ty cổ phần xây dựng cầu 75                                                                 | 36.954.934                          | 88.466.378           | 50.552.216                 | 175.973.528                   |
| <b>III</b> | <b>Gói thầu số 26 và gói thầu số 26-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km0+00 - Km11+300</b>  | <b>272.581.000</b>                  | <b>855.152.000</b>   | <b>4.246.198.000</b>       | <b>5.373.931.000</b>          |
| 1          | Công ty cổ phần tập đoàn TAG Việt Nam                                                           | 249.639.000                         | 656.664.000          | 2.024.573.000              | 2.930.876.000                 |
| 2          | Công ty TNHH Hiệp Phú                                                                           | -                                   | 138.806.000          | 1.188.452.000              | 1.327.258.000                 |
| 3          | Công ty cổ phần LICOGI 14                                                                       | 22.942.000                          | 59.682.000           | 1.033.173.000              | 1.115.797.000                 |
| <b>IV</b>  | <b>Gói thầu số 27 và gói thầu số 27-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km11+300 - Km20+00</b> | <b>2.294.708.000</b>                | <b>1.557.226.000</b> | <b>2.538.740.000</b>       | <b>6.390.674.000</b>          |
| 1          | Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư 122 Vĩnh Thịnh                                               | 2.294.708.000                       | 1.557.226.000        | 2.538.740.000              | 6.390.674.000                 |
| <b>V</b>   | <b>Gói thầu số 28 và gói thầu số 28-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km20+00 - Km31+00</b>  | <b>3.764.652.000</b>                | <b>-</b>             | <b>-</b>                   | <b>3.764.652.000</b>          |
| 1          | Công ty TNHH xây dựng Tự Lập                                                                    | 3.764.652.000                       | -                    | -                          | 3.764.652.000                 |

| STT | Tên gói thầu và nhà thầu thực hiện                                                       | Số liệu chưa khai                   |                      |                            | Tổng số tiền chưa kê khai nộp |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------|-------------------------------|
|     |                                                                                          | Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản | Tiền thuế tài nguyên | Tiền phí bảo vệ môi trường |                               |
| VI  | Gói thầu số 29 và gói thầu số 29-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km31+00 - Km40+200 | 1.878.286.000                       | 1.085.909.000        | 1.402.217.000              | 4.366.412.000                 |
| 1   | Xí nghiệp 9 - Chi nhánh Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng                                   | 648.458.000                         | -                    | -                          | 648.458.000                   |
| 2   | Công ty Quảng Lợi                                                                        | 610.142.000                         | 381.328.000          | 606.509.000                | 1.597.979.000                 |
| 3   | Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Bắc Ái                                            | 619.686.000                         | 704.581.000          | 795.708.000                | 2.119.975.000                 |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                                                         | <b>8.414.449.274</b>                | <b>3.902.388.145</b> | <b>8.434.036.326</b>       | <b>20.750.873.745</b>         |

#### 4. Về thanh toán vốn đầu tư

Công tác quản lý, sử dụng vốn cơ bản thực hiện theo Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Nguồn vốn đã sử dụng cho dự án phù hợp với quyết định đầu tư, kế hoạch phân bổ vốn hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Số liệu nguồn vốn được đối chiếu đầy đủ với Kho bạc nhà nước.

#### C. CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐIỀU TRA VÀ KIỂM TOÁN

1. Về kiểm tra: Căn cứ Quyết định số 1582-QĐ/UBKTTW, ngày 04/7/2024 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với Ban cán sự đảng UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026 trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện gói thầu số 26 do Công ty cổ phần Tập đoàn Thuận An (Công ty Thuận An) thực hiện. Sau khi kiểm tra, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã có kết luận tại Thông báo số 792-TB/UBKTTW ngày 9/10/2024.

2. Về điều tra: Cục Cảnh điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (C03) - Bộ Công an thực hiện kiểm tra và điều tra làm rõ một số nội dung có liên quan đến gói thầu số 26 của dự án, do Công ty cổ phần Tập đoàn Thuận An trúng thầu. Theo yêu cầu của Cơ quan cảnh sát điều tra, tháng 6/2024, chủ đầu tư đã cung cấp các hồ sơ pháp lý của dự án (bao gồm các bước chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư), các hồ sơ liên quan đến gói thầu số 26 và hồ sơ đấu thầu các gói thầu

xây lắp số 27, 28, 29 của dự án cho Cơ quan cảnh sát điều tra để phục vụ công tác điều tra. Kết thúc điều tra vụ việc đã được xét xử tại Bản án số 666/2025/HSST ngày 18/9/2025 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Về kiểm toán: Dự án đã được Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành IV thực hiện theo Quyết định 763/QĐ-KTNN ngày 01/6/2022 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc thực hiện kiểm toán Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

## **D. KẾT LUẬN**

### **I. Ưu điểm**

- Dự án xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai là dự án đường cao tốc đầu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (đi qua 02 tỉnh Tuyên Quang và Phú Thọ). Đây là công trình trọng điểm, có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Tuyên Quang. Quá trình tổ chức thực hiện, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tập trung nguồn lực, thời gian, tiến độ; bám sát các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, Ban Chỉ đạo nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành Giao thông vận tải tìm giải pháp để tổ chức thực hiện bảo đảm về tiến độ, chất lượng của dự án; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ, đúng các quy định pháp luật về đầu tư công.

- Mặc dù trong quá trình triển khai dự án gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, nhưng so với kế hoạch ban đầu, dự án hoàn thành sớm hơn 02 năm và đã phát huy hiệu quả về kinh tế - xã hội, đã mở ra không gian phát triển mới, mở rộng liên kết vùng, giúp tỉnh Tuyên Quang tháo gỡ điểm nghẽn về hạ tầng giao thông, tạo động lực thúc đẩy thu hút đầu tư, khai thác các tiềm năng thế mạnh về du lịch, dịch vụ, phát triển đô thị, thương mại..., đáp ứng được mong đợi, kỳ vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân của hai tỉnh Tuyên Quang, Phú Thọ nói riêng và các tỉnh trong khu vực Trung du miền núi phía Bắc nói chung.

Tại thời điểm thanh tra công trình đang sử dụng ổn định, phát huy hiệu quả của vốn đầu tư.

### **II. Tồn tại hạn chế**

1. Tồn tại hạn chế do Ủy ban kiểm tra Trung ương chỉ ra tại Thông báo kết luận số 792-TB/UBKTTW ngày 09/10/2024, cụ thể như sau:

- Trong tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện dự án còn có những hạn chế khuyết điểm:

+ Trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án theo hình thức BOT trong đó xác định không đúng loại công trình là công trình giao thông (theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt loại công trình là đường ô tô cao tốc).

+ Đề nghị, tham gia họp thẩm định nội bộ, thống nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư sang hình thức đầu tư công thiếu căn cứ pháp lý, chưa đủ điều kiện, chưa tính đủ kinh phí GPMB, một số nội dung không đúng quy định.

+ Trình cấp có thẩm quyền thẩm định, điều chỉnh dự án, trong đó xác định tổng mức đầu tư bao gồm hạng mục xây dựng: nhà bao che cho máy, nền móng máy khi không có cơ sở, điều kiện đặc thù áp dụng, làm tăng tổng mức đầu tư dự án.

+ Đề nghị điều chỉnh tiến độ dự án khi tiến độ thực hiện chỉ còn gần 1 tháng, dẫn đến UBND tỉnh Tuyên Quang phê duyệt điều chỉnh tiến độ khi dự án đã hết thời hạn thực hiện gần 05 tháng, vi phạm Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công.

- Trong thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư:

+ Đăng tải thông tin về đấu thầu sai quy định: Đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu chậm so với thời gian quy định; không đăng tải quyết định điều chỉnh dự toán gói thầu 26-GĐ1 trên cổng thông tin đấu thầu quốc gia.

+ Phát hành HSMT ngày 16/6/2021 khi không đủ điều kiện: Chưa được cấp có thẩm quyền giao đủ kế hoạch đầu tư công trung hạn theo tiến độ thực hiện gói thầu.

+ Phê duyệt, điều chỉnh HSMT có nội dung không đúng quy định: Quyết định số 72/QĐ-BQLDA ngày 10/6/2021 phê duyệt Hồ sơ mời thầu, xác định khối lượng hạng mục đào đất cấp 3 cao hơn dự toán được phê duyệt, làm tăng giá trị hợp đồng của gói thầu 26-GĐ1.

+ Đưa ra các điều kiện làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu: Quyết định số 72/QĐ-BQLDA ngày 10/6/2021 phê duyệt HSMT, yêu cầu nhà thầu phải có số dư tiền gửi tại ngân hàng (trái quy định của mẫu HSMT02) và không được báo cáo, làm rõ trong quá trình lập/thẩm định HSMT; yêu cầu nhà thầu tự bỏ vốn để triển khai thi công trong trường hợp dự án bố trí vốn bị chậm, không đủ vốn, trái với mẫu HSMT02 (không được phép chỉnh sửa).

+ Tạo lợi thế cho nhà thầu liên doanh Thuận An trúng thầu: Quyết định số 77/QĐ-BQLDA ngày 12/6/2021 điều chỉnh HSMT, điều chỉnh giá trị hợp đồng tương tự dưới 70% giá trị gói thầu (từ  $\geq 330$  tỷ đồng thành  $\geq 280$  tỷ đồng) không có căn cứ, không được báo cáo, làm rõ trong quá trình lập/thẩm định HSMT; điều chỉnh tính chất hợp đồng tương tự từ hợp đồng thi công xây dựng đường ô tô cao tốc cấp II thành hợp đồng thi công xây dựng công trình giao thông cấp II.

+ Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 26-GĐ1 cho nhà thầu liên danh Thuận An khi nhà thầu có hành vi thông thầu.

+ Chưa ký các phụ lục hợp đồng điều chỉnh tiến độ.

+ Tổ chức triển khai thi công Dự án khi chưa đủ điều kiện, vi phạm Luật Đất đai 2013; Luật Lâm nghiệp 2017, cụ thể: (i) Chưa được cấp có thẩm quyền quyết định giao đất; (ii) Không lập hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng 26,79 ha rừng sản xuất trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; (iii) Không lập phương án trồng rừng thay thế hoặc phương án nộp tiền trồng rừng thay thế để trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định; (iv) Không lập hồ sơ và thực hiện nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

+ Một số cán bộ, đảng viên thuộc BQLDA trong quá trình tổ chức thực hiện Dự án vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu, đầu tư công, xây dựng, phòng chống tham nhũng và Quyết định số 2275/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Nội dung này, UBKT Trung ương, UBND tỉnh đã xem xét kỷ luật các cá nhân có vi phạm.

\* Đối với các vi phạm, khuyết điểm được Ủy ban Kiểm tra Trung ương chỉ ra Chủ đầu tư và các cá nhân có liên quan đã kiểm điểm, khắc phục xong. Cá nhân có vi phạm đã xử lý tại Bản án số 666/2025/HSST ngày 18/9/2025 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội.

## **2. Tồn tại qua công tác thanh tra**

### **2.1. Hạn chế trong công tác khảo sát thiết kế, dự toán**

- Việc tính toán khối lượng và dự toán của một số hạng mục công việc tại một số gói thầu chưa chính xác; hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công một số hạng mục của công việc của một số gói thầu còn thiếu bản vẽ chi tiết và bảng tổng hợp khối lượng chung.

- Các cơ quan, đơn vị khi thực hiện việc thẩm tra, thẩm định và phê duyệt không phát hiện ra việc tính toán sai khối lượng giữa bản vẽ thiết kế và dự toán của nhà thầu tư vấn thiết kế dẫn đến quá trình tổ chức thi công, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán phải phê duyệt điều chỉnh nhiều lần, ảnh hưởng đến kiểm soát tiến độ, chất lượng, khối lượng, quản lý chi phí.

- Sự phối hợp giữa các bên: nhà thầu thi công, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế, chủ đầu tư và chính quyền địa phương chưa thống nhất, chậm phản hồi khi cần phải điều chỉnh, bổ sung thiết kế.

- Dự án do cùng một đơn vị tư vấn thiết kế thực hiện, do đó thiếu cơ chế, kiểm tra, giám sát độc lập, dẫn đến hồ sơ thiết kế còn có sai sót phải thiết kế, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nhiều lần.

- Tư vấn thiết kế chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thiết kế trong việc thi công xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Công tác, thẩm tra, thẩm định chưa bám sát thực tế: Quá trình thẩm tra, thẩm định một số hạng mục công trình điều chỉnh, bổ sung việc thẩm tra, thẩm định chỉ dựa trên hồ sơ (bản giấy), chưa kết hợp đi hiện trường đối chiếu giữa hồ sơ và thực tế về các nội dung liên quan dẫn đến có hạng mục công trình chưa phát huy hiệu quả.

- Dự toán gói thầu xây dựng tính toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

## **2.2. Hạn chế trong quá trình thi công xây dựng**

- Quá trình tổ chức thi công: nhà thầu tư vấn giám sát, nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn thiết kế và cán bộ trực tiếp quản lý dự án của Ban Quản lý dự án chưa quản lý tốt khối lượng thi công xây dựng (còn có công việc khi xác nhận giữa các bên chưa tính toán, đối chiếu với khối lượng thiết kế được duyệt. Do vậy không phát hiện các sai sót trong việc tính toán khối lượng, dự toán dẫn đến còn có khối lượng nghiệm thu chưa đúng thực tế thi công).

- Nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát thực hiện chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ *“Khối lượng thi công xây dựng được tính toán, xác nhận giữa giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng theo thời gian hoặc giai đoạn thi công và được đối chiếu với khối lượng thiết kế được duyệt để làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán theo hợp đồng”*.

- Việc lập bản vẽ hoàn công còn có hạng mục chưa đúng thực tế thi công (thực tế thi công có thay đổi với bản thiết kế thi công được duyệt nhưng nhà thầu thi công và nhà thầu tư vấn giám sát vẫn lấy bản vẽ thiết kế thi công làm bản vẽ hoàn công) là không đúng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Phụ lục IIB ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Nhà thầu Tư vấn giám sát chưa thực hiện đúng quy định về giám sát thi công xây dựng công trình; quyền và nghĩa vụ trong việc giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Hồ sơ, biên bản nghiệm thu một số hạng mục công trình còn thiếu xác nhận của tư vấn giám sát; nhật ký thi công ghi chép chưa đầy đủ thông tin theo quy định tại Phụ lục IIA Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng.

### **2.3. Hạn chế trong công tác lựa chọn nhà thầu**

Qua kiểm tra hồ sơ 11 gói thầu thi công xây dựng và 03 gói thầu tư vấn. Thanh tra tỉnh đã chỉ ra tại điểm 1, 2 mục I phần B kết quả kiểm tra xác minh của Kết luận này.

## **3. Nguyên nhân hạn chế và những khó khăn**

### **3.1. Nguyên nhân chủ quan**

- Trong quá trình thiết kế, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: tư vấn thiết kế, lập dự toán, tư vấn thẩm tra, bộ phận trực tiếp thẩm định, phê duyệt của chủ đầu tư chưa làm hết trách nhiệm (*chưa phát hiện sai sót về khối lượng, giải pháp kỹ thuật chưa phù hợp*) dẫn đến hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán các gói thầu xây lắp phải điều chỉnh nhiều lần ảnh hưởng đến việc quản lý khối lượng, chi phí và tiến độ.

- Quá trình tổ chức triển khai thi công, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công xây dựng chưa làm hết trách nhiệm theo quy định của pháp luật về quản lý khối lượng thi công xây dựng, nghiệm thu khối lượng một số hạng mục công việc chưa tính toán, xác nhận theo thực tế thi công, dẫn đến nghiệm thu vượt khối lượng.

### **3.2. Nguyên nhân khách quan**

- Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai là Dự án cao tốc đầu tiên trong cả nước được phân cấp giao cho cấp tỉnh (giao cho UBND tỉnh Tuyên Quang là cơ quan chủ quản dự án). Dự án đi qua địa phận của hai tỉnh Tuyên Quang và Phú Thọ, nên trong giai đoạn đầu triển khai thực hiện đã gặp một số khó khăn, vướng mắc.

- Thời gian tiến độ thực hiện rất gấp rút, khối lượng công việc lớn, các gói thầu xây lắp của dự án được triển khai trong điều kiện vừa giải phóng mặt bằng vừa thi công. Quá trình triển khai, gặp rất nhiều khó khăn: giá vật liệu khan hiếm, tăng bất thường (xăng, dầu, nhựa đường, đá các loại,.... có những thời điểm trên thị trường không đủ để cung cấp).

4. Xác định trách nhiệm tập thể cá nhân có liên quan đến hạn chế, sai sót nêu tại Kết luận: có phụ lục 02 kèm theo.

## **D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

### **I. Kiến nghị về công tác quản lý**

1. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang) chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; thực hiện nghiêm các kiến nghị xử lý qua thanh tra.

2. Đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang:

- Tăng cường công tác quản lý trong đầu tư xây dựng thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng các dự án công trình đối với công tác thiết kế, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt; công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, giám sát thi công dự án công trình.

- Nâng cao trách nhiệm trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các gói thầu. Yêu cầu các nhà thầu tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu tư vấn giám sát và các đơn vị liên quan khắc phục ngay các hạn chế, tồn tại qua thanh tra đã chỉ ra. Xử lý đối với vi phạm, không để xảy ra các sai sót như đã nêu.

- Đôn đốc, yêu cầu các nhà thầu có liên quan thực hiện nghiêm kiến nghị thu hồi về kinh tế, nộp vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của cơ quan Thanh tra tỉnh đầy đủ, kịp thời đúng thời gian quy định.

## II. Kiến nghị xử lý về kinh tế

### 1. Thu hồi tiền

Căn cứ khoản 8 Điều 65 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; khoản 1 Điều 64 Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra.

Thanh tra tỉnh thu hồi tiền vi phạm phát hiện qua công tác thanh tra (tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền thuế tài nguyên, tiền phí bảo vệ môi trường) với tổng số tiền là **20.750.873.745** đồng (*Hai mươi tỷ, bảy trăm năm mươi triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng*) của các Nhà thầu thi công xây dựng vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra tỉnh mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực VIII - Phòng Nghiệp vụ 2, số hiệu tài khoản 3949.0.1049791.00000, cụ thể:

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 8.414.449.274 đồng;
- Tiền thuế tài nguyên: 3.902.388.145 đồng;
- Tiền phí bảo vệ môi trường: 8.434.036.326 đồng.

Danh sách cụ thể số tiền phải thu hồi của các nhà thầu như sau:

ĐVT: đồng

| STT | Tên nhà thầu                                                                               | Tiền thu hồi  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1   | Công ty TNHH xây dựng Tự Lập thi công gói thầu số 24, gói thầu số 28 và gói thầu số 28-GĐ2 | 4.443.883.217 |
| 2   | Công ty cổ phần xây dựng cầu 75 thi công gói thầu số 25                                    | 175.973.528   |
| 3   | Công ty cổ phần tập đoàn TAG Việt Nam thi công gói thầu số 26 và gói thầu số 26-GĐ2        | 2.930.876.000 |
| 4   | Công ty TNHH Hiệp Phú thi công gói thầu số 26 và gói thầu số 26-GĐ2                        | 1.327.258.000 |

ĐVT: đồng

| STT              | Tên nhà thầu                                                                                         | Tiền thu hồi          |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 5                | Công ty cổ phần LICOGI 14 thi công gói thầu số 26 và gói thầu số 26-GĐ2                              | 1.115.797.000         |
| 6                | Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư 122 Vĩnh Thịnh thi công gói thầu số 27 và gói thầu số 27-GĐ2      | 6.390.674.000         |
| 7                | Xí nghiệp 9 - Chi nhánh Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng thi công gói thầu số 29 và gói thầu số 29-GĐ2 | 648.458.000           |
| 8                | Công ty Quảng Lợi thi công gói thầu số 29 và gói thầu số 29-GĐ2                                      | 1.597.979.000         |
| 9                | Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Bắc Ái thi công gói thầu số 29 và gói thầu số 29-GĐ2          | 2.119.975.000         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                      | <b>20.750.873.745</b> |

(Có phụ lục số 01a, 01b kèm theo)

**2. Giảm trừ giá trị hợp đồng**

Đề nghị Chủ đầu tư giảm trừ không đưa vào hồ sơ đề nghị quyết toán, cụ thể:

ĐVT: đồng

| STT                          | Tên gói thầu                                                                                  | Tổng giá trị khối lượng phải giảm trừ | Trong đó                                           |                                          |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------|
|                              |                                                                                               |                                       | Số liệu Chủ đầu tư và nhà thầu tự rà soát giảm trừ | Số liệu Thanh tra tính tiếp tục giảm trừ |
| 1                            | Gói thầu số 14: Thi công rà phá bom mìn, vật nổ                                               | 801.832.000                           | 801.832.000                                        | -                                        |
| 2                            | Gói thầu số 18: Tư vấn quan trắc và giám sát môi trường                                       | 2.400.000                             | -                                                  | 2.400.000                                |
| 3                            | Gói thầu số 23: Thi công hệ thống điện chiếu sáng                                             | 247.256.000                           | 247.256.000                                        | -                                        |
| 4                            | Gói thầu số 24: Thi công xây dựng nút giao IC9                                                | 38.803.000                            | -                                                  | 38.803.000                               |
| 5                            | Gói thầu số 25: Thi công xây dựng cầu trên tuyến                                              | 4.601.667.000                         | 4.541.988.000                                      | 59.679.000                               |
| 6                            | Gói thầu số 26 và gói thầu số 26-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km0+00 - Km11+300       | 12.683.110.000                        | 10.394.388.000                                     | 2.288.722.000                            |
| 7                            | Gói thầu số 27 và gói thầu số 27-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km11+300 - Km20+00      | 7.352.467.000                         | 5.871.269.000                                      | 1.481.198.000                            |
| 8                            | Gói thầu số 28 và gói thầu số 28-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km20+00 - Km31+00       | 4.922.759.000                         | -                                                  | 4.922.759.000                            |
| 9                            | Gói thầu số 29 và gói thầu số 29-GĐ2: Thi công xây dựng đoạn tuyến từ Km31+00 - Km40+200      | 17.399.248.000                        | 11.467.695.000                                     | 5.931.553.000                            |
| 10                           | Gói thầu số 30: Thi công xây dựng hệ thống an toàn giao thông đoạn tuyến từ Km0+00 - Km40+200 | 4.747.179.000                         | 4.349.604.000                                      | 397.575.000                              |
| <b>Cộng giá trị giảm trừ</b> |                                                                                               | <b>52.796.721.000</b>                 | <b>37.674.032.000</b>                              | <b>15.122.689.000</b>                    |

- Tiền chi phí tư vấn, chi phí quản lý và các chi phí liên quan tính theo tỷ lệ tương ứng với giá trị xây dựng bị giảm trừ.

- Quá trình thẩm tra quyết toán còn phát hiện khối lượng không đúng đề nghị các cơ quan có liên quan tiếp tục giảm trừ.

### III. Kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm

Căn cứ tính chất mức độ và nguyên nhân dẫn đến sai sót được nêu tại kết luận này, Chánh Thanh tra tỉnh kiến nghị:

1. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo, kiểm điểm làm rõ trách nhiệm các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền có liên quan đến các tồn tại hạn chế được phát hiện qua công tác thanh tra.

2. Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang, tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với tập thể cá nhân thuộc thẩm quyền có liên quan đến hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực hiện dự án đã được nêu tại kết luận theo đúng quy định của pháp luật.

3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Tuyên Quang, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm Kết luận thanh tra và báo kết quả thực hiện về Thanh tra tỉnh trước ngày 31/12/2025./.

#### Nơi nhận:

- UBKT Trung ương;
- Thanh tra chính phủ;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp & Môi trường;
- BQL DA ĐTXD các CTGT tỉnh TQ (thực hiện);
- Phòng GS, KT&XLSTTr;
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐTTr.

(Báo cáo)

**CHÁNH THANH TRA**



**Khánh Thị Xuyên**